

Số: 163/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 68/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế và Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Giao dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2020 cho Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng và Bảo hiểm xã hội Bộ Công an tại phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính và cơ quan có liên quan thực hiện quản lý và sử dụng có hiệu quả quỹ bảo hiểm y tế và dự toán chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế được giao; thực hiện nghiêm túc quy định về tạm ứng, thanh quyết toán chi phí



khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của Luật bảo hiểm y tế, Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế và các văn bản hướng dẫn;

b) Chỉ đạo Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh và cơ quan có liên quan tăng cường công tác tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm y tế thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; có giải pháp để ngăn chặn tình trạng lạm dụng, trục lợi quỹ bảo hiểm y tế;

c) Chỉ đạo Sở Tài chính chuyển đủ và kịp thời kinh phí ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng do ngân sách nhà nước đảm bảo; tham gia quản lý quỹ bảo hiểm y tế theo quy định;

d) Chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin về khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế và chuyển dữ liệu cho cơ quan Bảo hiểm xã hội theo quy định để việc giám định, thanh toán được chính xác, kịp thời;

đ) Tăng cường công tác truyền thông về bảo hiểm y tế, có giải pháp vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế phù hợp với từng nhóm đối tượng để đạt chỉ tiêu phát triển bảo hiểm y tế của địa phương được giao tại Quyết định số 1167/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh giao chỉ tiêu thực hiện bảo hiểm y tế giai đoạn 2016-2020.

2. Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn hồ sơ, thủ tục, tổ chức thực hiện chế độ bảo hiểm y tế bảo đảm nhanh chóng, đơn giản và thuận tiện cho người tham gia bảo hiểm y tế;

b) Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có số chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế lớn hơn hoặc nhỏ hơn dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế được giao tại Quyết định này, Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh thuyết minh cụ thể số liệu và nguyên nhân, gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổng hợp và nêu rõ nguyên nhân, báo cáo Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét trình Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền.

3. Bộ trưởng Bộ Y tế có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính sớm rà soát định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh làm cơ sở tiếp tục điều chỉnh giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với chất lượng dịch vụ, khả năng cung ứng của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và khả năng cân đối quỹ bảo hiểm y tế. Ban hành hướng dẫn thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh gắn với chất lượng dịch vụ y tế và chế tài xử lý với các trường hợp không đảm bảo chất lượng dịch vụ;

b) Chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan có liên quan đề xuất chỉ tiêu phát triển đối tượng bảo hiểm y tế giai đoạn 2021-2025 nhằm đạt mục tiêu đề ra theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiếp tục xây dựng, hoàn thiện quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW và Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới và công tác dân số trong tình hình mới;

d) Chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cung ứng đầy đủ thuốc, hóa chất, vật tư y tế, dịch vụ kỹ thuật thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế; nâng cao tinh thần thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chỉ định xét nghiệm, điều trị nội trú và sử dụng dịch vụ, nhất là các dịch vụ kỹ thuật và thuốc bệnh đắt tiền; phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội và các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện và xử lý kịp thời các vi phạm;

đ) Chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam tăng cường kiểm tra, thanh tra hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế để ngăn chặn tình trạng lạm dụng, trục lợi quỹ bảo hiểm y tế;

e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đánh giá tình hình thực hiện giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, khả năng thu, chi và cân đối quỹ bảo hiểm y tế, trên cơ sở đó, đề xuất lộ trình kết cấu chi phí quản lý, chi phí khấu hao tài sản cố định vào giá dịch vụ y tế, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm y tế và dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trong các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

5. Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm cân đối, bố trí nguồn ngân sách nhà nước thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm y tế đối với các đối tượng do ngân sách nhà nước đảm bảo; phối hợp với Bộ Y tế rà soát định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh làm cơ sở tiếp tục điều chỉnh giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

6. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về tính chính xác của các thông tin, số liệu báo cáo.

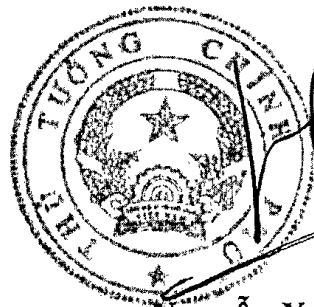
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính 2020.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và chỉ đạo thực hiện Quyết định này./

Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- TTgCP, các Phó TTgCP;
- Ủy ban về các vấn đề xã hội của QH;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg;
các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KTTT (3b) *AT*

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc
Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục
**DỰ TOÁN CHI KHAM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ
NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2020
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố	Dự toán
	Tổng số	103.063.247
1	Thành phố Hà Nội	17.717.246
2	TP Hồ Chí Minh	19.004.986
3	An Giang	1.323.788
4	Bà Rịa-Vũng Tàu	881.014
5	Bạc Liêu	766.718
6	Bắc Giang	1.321.734
7	Bắc Kạn	270.768
8	Bắc Ninh	1.288.423
9	Bến Tre	854.684
10	Bình Dương	1.829.468
11	Bình Định	1.291.168
12	Bình Phước	531.694
13	Bình Thuận	720.097
14	Cà Mau	937.367
15	Cao Bằng	362.358
16	Cần Thơ	1.855.143
17	Đà Nẵng	2.379.710
18	Đắk Lắk	1.249.381
19	Đắk Nông	277.374
20	Điện Biên	472.645
21	Đồng Nai	2.463.775
22	Đồng Tháp	1.042.079
23	Gia Lai	854.258
24	Hà Giang	713.424
25	Hà Nam	445.225
26	Hà Tĩnh	1.013.486
27	Hải Dương	1.539.392
28	Hải Phòng	1.948.365
29	Hậu Giang	426.536
30	Hòa Bình	693.267
31	Hung Yên	841.317
32	Khánh Hòa	1.076.156
33	Kiên Giang	1.129.343

34	Kom Tum	384.290
35	Lai Châu	320.452
36	Lạng Sơn	528.877
37	Lào Cai	667.218
38	Lâm Đồng	707.116
39	Long An	745.488
40	Nam Định	1.140.949
41	Nghệ An	3.309.564
42	Ninh Bình	870.500
43	Ninh Thuận	526.730
44	Phú Thọ	1.458.667
45	Phú Yên	612.586
46	Quảng Bình	633.202
47	Quảng Nam	1.525.408
78	Quảng Ngãi	650.188
79	Quảng Ninh	1.678.235
50	Quảng Trị	519.546
51	Sóc Trăng	850.716
52	Sơn La	896.699
53	Tây Ninh	556.426
54	Thái Bình	1.456.390
55	Thái Nguyên	1.221.610
56	Thanh Hóa	3.275.587
57	Thừa Thiên-Huế	2.078.218
58	Tiền Giang	945.931
59	Trà Vinh	700.865
60	Tuyên Quang	732.038
61	Vĩnh Long	766.074
62	Vĩnh Phúc	1.145.593
63	Yên Bái	716.518
64	Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng	1.205.640
65	Bảo hiểm xã hội Bộ Công an	160.300
66	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	553.237

Ghi chú:

- Dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2020 bao gồm số chi khám bệnh, chữa bệnh cho bệnh nhân có thẻ bảo hiểm y tế của tỉnh phát hành đi khám bệnh, chữa bệnh tại địa phương và bệnh nhân có thẻ bảo hiểm y tế của tỉnh khác phát hành đến khám bệnh, chữa bệnh tại địa phương.

- Dự toán năm 2020 của tỉnh Hà Nam chưa bao gồm chi của cơ sở II Bệnh viện Bạch Mai và cơ sở II Bệnh viện Việt Đức trên địa bàn; Dự toán của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã gồm kinh phí mua thuốc HIV.